

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCPthực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất bán niên 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

- Mã chứng khoán: VKC

Địa chỉ: Số 854 Quốc lộ 1K, KP Châu Thới, P.Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên hệ/Tel: (84-2743 751 501) Fax: (84-2743 751 699)

- Email:..... Website:.....

2. Nội dung thông tin công bố:

- **Báo Cáo Tài Chính soát xét Bán niên Hợp Nhất 2026**

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn: <https://vkcholdings.vn/quan-he-co-dong.htm>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Q2/2026
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Hoàng Phong



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ	07 - 09
3. Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	10 - 11
4. Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	13
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	14 – 38
7. Phụ lục số 01: Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo Nghị quyết HĐQT và đúng mục đích theo bản công bố thông tin	39
8. Phụ lục số 02: Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo Nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin	40 – 42
9. Phụ lục số 03: Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo Nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin	43 – 45
10. Phụ lục 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	46



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VKC Holdings đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty Cổ phần VKC Holdings và 02 công ty con (02 công ty con trực tiếp) (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát chung về Tập đoàn

Công ty CP VKC Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VKC Holdings; tên viết tắt là: VKC HOLDINGS) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 27 ngày 12/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật thành ông Phạm Hoàng Phong.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán là VKC.

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (274) 3751 501

Fax : +84 (274) 3751 699

Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ghi chú
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, phường Cái Vồn, Tỉnh Vĩnh Long	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn
2. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường Bình Phú, Tp.HCM	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn
3. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	Ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế
4. Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn



CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

▪ **Thông tin về Công ty con**

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKM)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh (VKB)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại).

4. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	29/06/2026	
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch	25/08/2023	29/06/2026
	Phó Chủ tịch	29/06/2026	
Ông Tạ Ngọc Bích	Thành viên	26/07/2024	29/06/2026
Bà Phạm Thị Lan	Thành viên	29/06/2026	
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	29/06/2026	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	29/06/2026	
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên		29/06/2026

4.2 Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch	24/04/2025	
Bà Phạm Thị Lan	Thành viên	24/04/2025	29/06/2026
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên	24/04/2025	29/06/2026
Ông Thân Xuân Nghĩa	Thành viên	29/06/2026	
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	29/06/2026	

4.3 Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hoàng Phong	Tổng Giám đốc	24/06/2024	
Ông Võ Văn Việt	Kế toán trưởng	02/12/2024	27/05/2026

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hoàng Phong	Tổng Giám đốc	24/06/2024	-

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ từ trang 10 đến trang 46.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 30/06/2026, Tập đoàn và Công ty CP Thiên Hoàng Holdings (gọi tắt là “Thiên Hoàng Holdings”) đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu, quyền đòi nợ số 74/2026/HĐCN/VKC-TH, theo đó Tập đoàn sẽ chuyển nhượng nợ gốc (tính đến ngày 31/12/2025) của các khoản phải thu và quyền đòi nợ của Tập đoàn cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển nhượng bằng với giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải thu được chuyển nhượng tại ngày 31/12/2025 là 201.048.675.966 đồng. Tại thời điểm 30/06/2026, Tập đoàn và Thiên Hoàng Holdings chưa chính thức hoàn tất thủ tục bàn giao các khoản nợ phải thu và quyền đòi nợ.

- Ngày 08/07/2026, Tập đoàn và Thiên Hoàng Holdings đã ký kết hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ số 78/2026/HĐCGNV/VKC-TH, theo đó Tập đoàn sẽ chuyển giao các khoản nợ phải trả đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân của Tập đoàn cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển giao bằng với giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả được chuyển nhượng tại ngày 30/06/2026 là 237.202.287.962 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Tập đoàn.

9 Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

0175
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VÀ TƯ
VẤN
VIỆT
HỒ CHÍ
MINH
37
C
C
VKC
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Tôi, Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



PHẠM HOÀNG PHONG

Tổng Giám đốc



Số: ~~28/SC~~226/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần VKC Holdings và 02 công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày ~~28~~ tháng 8 năm 2026 (từ trang 10 đến trang 46), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Cơ sở của từ chối đưa ra kết luận

- Theo thuyết minh tại mục V.2, V.3, V.4, V.5 và V.11, Tập đoàn chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu tại thời điểm 30/06/2026 và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có). Ngoài ra, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận công nợ bằng hình thức phức tạp trực tiếp đến chúng tôi. Với các tài liệu hiện có tại Tập đoàn, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu trên và cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của các số dư nêu trên bằng các thủ tục kiểm toán khác. Chi tiết như sau:

STT	Khoản mục	Thuyết minh	Giá trị chưa có xác nhận (VND)	Giá trị chưa đánh giá khả năng thu hồi (VND)
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.2	2.590.000.000	2.590.000.000
2	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	26.486.977.457	11.957.674.534
3	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	11.145.043.007	3.695.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	165.439.638.417	165.439.638.417
5	Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.924.680.000	5.924.680.000
6	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.11	36.000.000.000	-

- Theo thuyết minh tại mục V.13, V.14, V.18, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận công nợ bằng hình thức phúc đáp trực tiếp đến chúng tôi về khoản phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại ngày 30/06/2026 với số tiền lần lượt là 6.532.532.380 đồng, 157.247.481 đồng và 349.337.322.474 đồng. Chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của các số dư nêu trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.
- Theo thuyết minh tại mục V.18 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn, mô tả dòng tiền chi ra từ đợt phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%)) với số tiền là 80.800.000.000 đồng; Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 với số tiền là 34.937.668.136 đồng. Ngoài ra, trong số tiền chi ra từ đợt thu của phát hành trái phiếu, Tập đoàn có thực hiện hiện đặt cọc 98.750.000.000 đồng để mua cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam, tuy nhiên theo thuyết minh V.5a – Phải thu ngắn hạn khác, mô tả đến nay đã hết hạn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu nhưng Tập đoàn chưa hoàn tất các thủ tục để nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam từ các bên nhận tiền đặt cọc.

Đồng thời đoạn mô tả Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang sử dụng tài sản là Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Nay là: Thị trấn Núi Sập, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang) để đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Tập đoàn (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang), tài sản này chưa được thực hiện ký 3 bên giữa Tập đoàn với Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang và tổ chức với tư cách là bên nhận tài sản đảm bảo.

Ngoài ra, Tập đoàn chưa ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay, các khoản lãi quá hạn và phạt phát sinh từ việc chậm thanh toán lãi trái phiếu quá hạn. Số tiền lãi và phạt do chậm thanh toán lãi ước tính là 191.188.003.028 đồng.

- Theo Thuyết minh tại mục VIII.6 - Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, trên Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối là (539.744.741.587) đồng; khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Tập đoàn với số tiền là (357.573.670.932) đồng; các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay, trái phiếu và lãi tiền vay, trái phiếu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 543.633.587.097 đồng và vốn chủ sở hữu âm (317.890.639.355) đồng. Ngày 18/05/2026, Tập đoàn nhận được Quyết định số 35590/QĐ-HCM-KDT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn kể từ ngày 18/05/2026 đến ngày 18/05/2027. Ngoài ra, ngày 29/06/2026, Tập đoàn nhận được Quyết định số 5718/QĐ-THADS của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh về việc phong tỏa tài khoản, tài sản với số tiền 155.825.284 đồng trong tài khoản số 0037100010898988 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.

Từ các hạn chế nêu trên, chúng tôi không có đủ cơ sở xác định ảnh hưởng của các vấn đề này đến tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ (nếu có) cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.



Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

128175
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
CHUẨN VIỆT
P. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		190.270.620.391	191.883.573.033
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	1.357.391.354	2.247.151.250
1. Tiền		111		1.357.391.354	2.247.151.250
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		2.590.000.000	3.100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		123	V.2	2.590.000.000	3.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		183.691.970.754	183.146.703.070
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	27.490.963.051	25.629.429.513
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	11.978.329.407	13.398.720.175
3. Phải thu ngắn hạn khác		135	V.5a	165.459.638.417	165.385.513.503
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		136	V.6	(21.236.960.121)	(21.266.960.121)
IV. Hàng tồn kho		140	V.7	1.582.741.356	2.367.317.796
1. Hàng tồn kho		141		1.582.741.356	2.367.317.796
V. Tài sản sinh học ngắn hạn		150		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác		160		1.048.516.927	1.022.400.917
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		161		163.551.023	159.344.531
2. Thuế GTGT được khấu trừ		162		729.140.620	863.056.386
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		163	V.15	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác		165	V.8	155.825.284	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		39.765.141.192	42.464.938.969
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		5.924.680.000	5.924.680.000
1. Phải thu dài hạn khác		215	V.5b	5.924.680.000	5.924.680.000
II. Tài sản cố định		220		32.147.851.525	34.348.309.233
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	30.873.416.739	32.991.698.183
- Nguyên giá		222		121.905.551.514	121.905.551.514
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(91.032.134.775)	(88.913.853.331)
2. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	1.274.434.786	1.356.611.050
- Nguyên giá		228		5.224.155.677	5.224.155.677
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(3.949.720.891)	(3.867.544.627)
III. Tài sản sinh học dài hạn		230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư		240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn		250		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn		260	V.11	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		263		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)		264		(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác		270		1.692.609.667	2.191.949.736
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn		271		6.644.607	65.389.653
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		272	V.12	1.685.965.060	2.126.560.083
3. Lợi thế thương mại		279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)		280		230.035.761.583	234.348.512.002



CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		547.926.400.938	528.706.706.648
I. Nợ ngắn hạn		310		547.844.291.323	528.386.409.136
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.13	6.532.532.380	7.555.897.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.14	157.744.942	152.301.231
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận		313		1.319.115.400	1.319.115.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn		314	V.15	1.043.290.411	1.190.812.350
5. Phải trả người lao động		315		293.234.623	544.109.731
6. Chi phí phải trả ngắn hạn		316	V.16	175.986.019.435	154.955.818.912
7. Phải trả ngắn hạn khác		320	V.17	1.195.982.523	1.201.982.523
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		321	V.18	361.316.253.248	361.466.253.248
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		118.361	118.361
II. Nợ dài hạn		330		82.109.615	320.297.512
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		342	V.19	82.109.615	320.297.512
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	V.20	(317.890.639.355)	(294.358.194.646)
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn		412		11.384.120.000	11.384.120.000
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)		415		(3.811.929.315)	(3.811.929.315)
4. Quỹ đầu tư phát triển		418		13.557.992.161	13.557.992.161
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(539.744.741.587)	(516.241.200.002)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		420a		(516.241.200.002)	(462.988.564.093)
- LNST chưa phân phối kỳ này		420b		(23.503.541.585)	(53.252.635.909)
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		429		723.919.386	752.822.510
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		230.035.761.583	234.348.512.002

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

VÕ VĂN VIỆT

VÕ VĂN VIỆT

PHẠM HOÀNG PHONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.504.013.706	10.587.330.049
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	24.866.183
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.504.013.706	10.562.463.866
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.346.431.797	11.552.249.489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.157.581.909	(989.785.623)
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	17.925.098	26.186.052
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	21.030.200.523	21.135.230.406
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		21.030.200.523	21.135.230.406
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	545.672.036	1.118.199.366
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.448.035.922	3.435.009.059
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		(22.848.401.474)	(26.652.038.402)
13. Thu nhập khác	31		3.000.000	356.294.455
14. Chi phí khác	32		484.636.109	4.855.155.940
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(481.636.109)	(4.498.861.485)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(23.330.037.583)	(31.150.899.887)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành	51	V.15	-	19.909.091
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		202.407.126	(1.885.473.696)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(23.532.444.709)	(29.285.335.282)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(23.503.541.585)	(29.211.735.507)
21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		(28.903.124)	(73.599.775)
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(1.219)	(1.515)
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(1.219)	(1.515)

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật



VÕ VĂN VIỆT



VÕ VĂN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

TP. ĐI AN - T. BÌNH DƯƠNG

PHẠM HOÀNG PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.330.037.583)	(31.150.899.887)
2. Điều chỉnh cho các khoản			23.200.658.231	31.838.454.620
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.9; V.10	2.200.457.708	2.939.390.935
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(30.000.000)	(645.152.720)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	4.281.902.651
- Chi phí đi vay	06	VI.4	21.030.200.523	21.135.230.406
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	4.127.083.348
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(129.379.352)	687.554.733
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	VII	(537.177.202)	1.284.766.307
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		784.576.440	(2.139.045.857)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.422.318.336)	424.877.398
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		54.538.554	(1.323.258)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(19.909.091)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.249.759.896)	236.920.232
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		510.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		510.000.000	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(150.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(150.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(889.759.896)	236.920.232
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	2.247.151.250	1.769.122.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1; VII	1.357.391.354	2.006.042.250

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

VÔ VĂN VIỆT

VÔ VĂN VIỆT

PHẠM HOÀNG PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần VKC Holdings và 02 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Kỳ này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 20%, đồng thời Tập đoàn vẫn phải chịu chi phí lãi vay cao dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này của Tập đoàn chưa có lãi.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Các công ty con

Tổng số Công ty con tại ngày 30/06/2026: 02 Công ty

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty.

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKM)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp.HCM	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh (VKB)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp.HCM	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ghi chú
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, phường Cái Vồn, Tỉnh Vĩnh Long	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn
2. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường Bình Phú, TP.HCM	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn
3. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	Ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế
4. Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc niên độ, Tập đoàn có 27 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014), Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.20) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014) cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc của Tập đoàn cam kết Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014) cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được phản ánh theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian cho vay và lãi suất thực tế.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng tổn thất tương ứng với phần giá trị tổn thất dự kiến. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

030312
CÔNG
TRÁCH N
KIỂM TOÁN
CHUẨN
5 - TP

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (vô xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản

vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác và nợ phải trả: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 17%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Số liệu so sánh

Một vài số dư trên Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014), Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan). Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 202/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, Thông tư 43/2026/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ				
Tài sản				
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.590.000.000	-	(2.590.000.000)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	510.000.000	3.100.000.000	2.590.000.000
	Cộng Tài sản	3.100.000.000	3.100.000.000	-
Nợ phải trả				
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	1.319.115.400	1.319.115.400
320	Phải trả ngắn hạn khác	2.521.097.923	1.201.982.523	(1.319.115.400)
	Cộng Nợ phải trả	2.521.097.923	2.521.097.923	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ không bị hạn chế sử dụng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	325.695.098	363.035.838
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ^(*)	1.031.696.256	1.884.115.412
Cộng	1.357.391.354	2.247.151.250

^(*) Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Bản Việt	664.102.412	-
Các ngân hàng khác	367.593.844	1.884.115.412
Cộng	1.031.696.256	1.884.115.412

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	-	-
Phải thu về cho vay các bên khác	2.590.000.000	3.100.000.000
Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ⁽¹⁾	2.500.000.000	2.500.000.000
- Gốc cho vay	2.500.000.000	2.500.000.000
- Lãi cho vay	-	-
Công ty TNHH DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp ⁽²⁾	90.000.000	90.000.000
- Gốc cho vay	90.000.000	90.000.000
- Lãi cho vay	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	510.000.000
Cộng^(*)	2.590.000.000	3.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Là các khoản cho vay đã quá thời hạn thu hồi, bao gồm:

(1) Là khoản cho vay tín chấp dài hạn đến hạn thu hồi theo Hợp đồng tín dụng số 1810/VK-TK/2020 ngày 18/10/2020. Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng. Kỳ hạn: 24 tháng. Lãi suất: 6%/năm.

(2) Là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/01/2023. Số tiền cho vay: 90.000.000 đồng. Thời hạn vay: từ ngày 17/02/2023 đến ngày 17/06/2023. Lãi suất: 7%/năm.

(*) Trong đó, nợ gốc và lãi cho vay (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Tập đoàn chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 2.590.000.000 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	27.490.963.051	(14.397.034.985)	25.629.429.513	(14.457.034.985)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh	8.536.825.423	-	6.896.030.890	-
Denali Supply Chain Co.,Ltd	7.717.856.720	(7.717.856.720)	7.717.856.720	(7.717.856.720)
Công ty Cổ phần Sametel	3.236.105.523	(3.236.105.523)	3.236.105.523	(3.236.105.523)
Các khách hàng khác	8.000.175.385	(3.443.072.742)	7.779.436.380	(3.503.072.742)
Cộng(*)	27.490.963.051	(14.397.034.985)	25.629.429.513	(14.457.034.985)

(*) Trong đó, nợ gốc phải thu ngắn hạn của khách hàng (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Tập đoàn chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 20.336.303.438 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho các bên liên quan	-	-	-	-
Ông Phạm Hoàng Phong	-	-	310.000.000	-
Trả trước cho các người bán khác	11.978.329.407	(6.809.925.136)	13.088.720.175	(6.809.925.136)
Ông Nguyễn Công Võ	4.040.000.000	-	5.240.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	4.169.533.115	(4.169.533.115)	4.169.533.115	(4.169.533.115)
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng	1.257.504.951	(1.257.504.951)	1.257.504.951	(1.257.504.951)
Trả trước cho các người bán khác	2.511.291.341	(1.382.887.070)	2.421.682.109	(1.382.887.070)
Cộng(*)	11.978.329.407	(6.809.925.136)	13.398.720.175	(6.809.925.136)

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

(*) Trong đó, nợ gốc trả trước cho người bán ngắn hạn (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Tập đoàn chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 6.812.179.025 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các bên khác	165.459.638.417	-	165.385.513.503	-
Tạm ứng cho nhân viên	54.093.258	-	34.093.258	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.359.797	-	4.359.797	-
Chi tiền góp vốn (*)	66.200.000.000	-	66.200.000.000	-
Đặt cọc mua cổ phần (*)	98.750.000.000	-	98.750.000.000d	-
Phải thu khác	451.185.362	-	397.060.448	-
Cộng(**)	165.459.638.417	-	165.385.513.503	-

(*) Là khoản tiền Tập đoàn chi góp vốn vào Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (số tiền 66.200.000.000 đồng); và chi tiền đặt cọc cho Công ty CP Louis Land (số tiền 84.150.000.000 đồng) và đặt cọc cho bà Trần Thị Thu Phương (số tiền 14.600.000.000 đồng) để thực hiện mua cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (đã được thông qua tại Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021). Đến nay, đã hết hạn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu (xem tại Thuyết minh V.18) nhưng các bên chưa hoàn tất các thủ tục để Tập đoàn sở hữu cổ phần tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam. Tổng số tiền Tập đoàn đã chi góp vốn và đặt cọc cho các bên là 164.950.000.000 đồng.

(**) Trong đó, nợ gốc phải thu ngắn hạn khác (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Tập đoàn chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 165.385.513.503 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.924.680.000	-	5.924.680.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	5.684.110.000	-	5.684.110.000	-
Khác	240.570.000	-	240.570.000	-
Cộng(**)	5.924.680.000	-	5.924.680.000	-

(*) Là khoản tiền đặt cọc cho ông Trần Văn Tôn để nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của sổ đất CU 035996 tại thửa đất số 218, thuộc tờ bản đồ số 17 tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là xã Mỹ Lệ, tỉnh Tây Ninh) theo hợp đồng mua bán đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/12/2019.

(**) Trong đó, nợ gốc phải thu dài hạn khác (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Tập đoàn chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 5.924.680.000 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(21.266.960.121)	(63.523.590.002)
Xóa nợ	-	41.574.874.078
Hoàn nhập dự phòng	30.000.000	645.152.720
Số cuối kỳ	<u>(21.236.960.121)</u>	<u>(21.303.563.204)</u>

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	975.453.484	-	515.533.993	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	27.001.487	-
Thành phẩm ⁽²⁾	429.683.755	-	269.247.532	-
Hàng hóa ⁽³⁾	177.604.117	-	1.555.534.784	-
Cộng	1.582.741.356	-	2.367.317.796	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu cuối kỳ chủ yếu là dầu nổi cấp, hạt nhựa các loại...⁽²⁾ Thành phẩm cuối kỳ chủ yếu là cáp đồng, cáp mạng lan.⁽³⁾ Hàng hoá cuối kỳ chủ yếu là vỏ xe.**8. Tài sản ngắn hạn khác**

Khoản tiền gửi ngân hàng bị hạn chế sử dụng cuối kỳ là 155.825.284 đồng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (Chi nhánh Tân Bình) bị phong tỏa theo Quyết định số 5718/QĐ-THADS ngày 29/06/2026 của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh. Do hạn chế về khả năng sử dụng, khoản tiền này không đủ điều kiện phân loại là Tiền và tương đương tiền nên đã được tái phân loại sang chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác (mã số 165) trên Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.912.640.194	36.256.899.121	1.791.475.852	20.944.536.347	121.905.551.514
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	62.912.640.194	36.256.899.121	1.791.475.852	20.944.536.347	121.905.551.514
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	32.672.885.317	34.812.597.669	806.573.033	20.621.797.312	88.913.853.331
- Khấu hao trong kỳ	1.618.095.852	398.512.454	47.883.294	53.789.844	2.118.281.444
- Phân loại lại	(190.565.833)	190.565.833	-	-	-
Số cuối kỳ	34.100.415.336	35.401.675.956	854.456.327	20.675.587.156	91.032.134.775
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	30.239.754.877	1.444.301.452	984.902.819	322.739.035	32.991.698.183
Số cuối kỳ	28.812.224.858	855.223.165	937.019.525	268.949.191	30.873.416.739

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 25.621.156.910 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 0 đồng (không có tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.648.977.077	1.575.178.600	5.224.155.677
- Tăng trong kỳ	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	3.648.977.077	1.575.178.600	5.224.155.677
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	2.830.070.440	1.037.474.187	3.867.544.627
- Khấu hao trong kỳ	21.304.062	60.872.202	82.176.264
Số cuối kỳ	2.851.374.502	1.098.346.389	3.949.720.891
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	818.906.637	537.704.413	1.356.611.050
Số cuối kỳ	797.602.575	476.832.211	1.274.434.786

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.378.401.199 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 797.602.575 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

(*) Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cuối kỳ bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến 31/12/2030.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 9183, tờ bản đồ số 4 (2BA.8). Thời hạn sử dụng đến ngày 08/10/2053.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 05/12/2045.

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng ⁽²⁾	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)
Cộng	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)

⁽¹⁾ Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

⁽²⁾ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/03/2017, vốn điều lệ 200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

đồng, lĩnh vực hoạt động là sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cáp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng là 18,00% vốn chủ sở hữu (số đầu năm là 18,00% vốn chủ sở hữu).

12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.685.965.060	2.126.560.083
Cộng	1.685.965.060	2.126.560.083

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	6.532.532.380	7.555.897.380
Speed Arrive Trading Co, LTD	1.781.076.228	1.781.076.228
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (LADOPHAR)	584.101.610	584.101.610
Các người bán khác	4.167.354.542	5.190.719.542
Cộng (*)	6.532.532.380	7.555.897.380

Nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 6.331.314.414 đồng.

(*) Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn (tính đến ngày 30/06/2026) sẽ được Tập đoàn chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 1.134.101.610 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	157.744.942	152.301.231
Các người mua trả tiền trước khác	157.744.942	152.301.231
Cộng	157.744.942	152.301.231

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	1.077.090.475	-	236.370.740	(368.717.632)	944.743.583	-
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Thuế TNCN	113.721.875	-	52.297.825	(67.472.872)	98.546.828	-
Cộng	1.190.812.350	-	288.668.565	(436.190.504)	1.043.290.411	-

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.330.037.583)	(31.150.861.392)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	21.403.203.128	9.547.196.090
+ Lỗ trong kỳ của công ty con	406.836.956	-
+ Chi phí lãi vay không được trừ	20.996.366.172	-
+ Chi phí không được trừ khác	-	1.281.221.537
+ Thu nhập tăng do đánh giá lại TSCĐ góp vốn	-	8.265.974.553
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.364.369.036)
Thu nhập chịu thuế	(1.926.834.455)	(23.968.034.338)
Chuyển lỗ các kỳ trước sang	-	-
Thu nhập tính thuế	(1.926.834.455)	(23.968.034.338)
Thuế suất phổ thông	17%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo TNTT trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh	-	19.909.091
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	19.909.091

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	175.986.019.435	154.955.818.912
Cộng (*)	175.986.019.435	154.955.818.912

Lãi vay, lãi trái phiếu quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2026 là 175.986.019.435 đồng.

(*) Trong đó, lãi vay ngân hàng (tính đến ngày 30/06/2026) sẽ được Tập đoàn chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 74.601.933.104 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	6.000.000
Ông Thân Xuân Nghĩa	-	6.000.000
Phải trả cho các bên khác	1.195.982.523	1.195.982.523
Nhận ký quỹ	988.300.000	988.300.000
Phải trả khác	207.682.523	207.682.523
Cộng	1.195.982.523	1.201.982.523

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn*Tình hình biến động về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả	161.466.253.248	-	(150.000.000)	161.316.253.248
Trái phiếu đến hạn trả	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Cộng	361.466.253.248	-	(150.000.000)	361.316.253.248

*Chi tiết gồm:**Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan**Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức, cá nhân khác*Công ty CP XNK Louis Rice ⁽¹⁾Công ty CP XNK Cà phê II ⁽¹⁾Công ty TNHH DV Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp ⁽¹⁾Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM ⁽²⁾Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽³⁾Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch ⁽⁴⁾*Vay dài hạn đến hạn trả*Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM ⁽⁵⁾Trái phiếu dài hạn đến hạn trả ⁽⁶⁾**Cộng^(*)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	-	-
	160.442.128.248	160.592.128.248
	6.568.569.865	6.568.569.865
	2.500.000.000	2.500.000.000
	4.158.794.521	4.158.794.521
	69.166.685.726	69.166.685.726
	66.069.147.362	66.069.147.362
	11.978.930.774	12.128.930.774
	200.874.125.000	200.874.125.000
	874.125.000	874.125.000
	200.000.000.000	200.000.000.000
	361.316.253.248	361.466.253.248

Toàn bộ nợ vay, nợ trái phiếu trên đã quá hạn thanh toán với số tiền là 361.316.253.248 đồng.

⁽¹⁾ Là các khoản tiền đi vay tín chấp với lãi suất 7% - 9%/năm. Thời hạn vay dưới 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Tp. HCM theo Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.101.301602.TD ngày 23/8/2021. Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 15/07/2022. Thời hạn vay: 06 tháng đối với sản xuất cấp, 04 tháng đối với thương mại lớp xe. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất của Tập đoàn số AL 527855 tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh) (xem Thuyết minh V.10).⁽³⁾ Là khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 036/2022/HDHM/VPB-VKC ngày 16/2/2022. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Tập đoàn số BA179285 tại Thửa 9183, Tờ bản đồ số 4 (2BA.8) tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh) (xem Thuyết minh V.10).⁽⁴⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch theo Hợp đồng cho vay số 002/2022-HĐCVHM/NHCT681-VKC ngày 11/3/2022. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

(5) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến hạn trả theo Hợp đồng 6667.22.101.301602.TD ngày 20/02/2022. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô.

(6) Là khoản vay bằng hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Đại lý lưu ký: Công ty CP Chứng khoán HD.

Giá trị trái phiếu đã phát hành: 200.000.000.000 đồng.

Mục đích phát hành: mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85% vốn điều lệ).

Ngày đáo hạn: 09/06/2023.

Lãi suất: 12%/năm.

Tài sản đảm bảo:

- Nhà máy đá Bình Thuận bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số CH369969 tọa lạc tại xã Thắng Hải huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO) theo Hợp đồng quản lý tài sản đảm bảo số 1102/2022/HĐQLTSDB/SEABANK-VKC/BIDICO ngày 11/02/2022 giữa Tập đoàn với Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Sài Gòn.

- Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (thuộc sở hữu của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.

Tình hình thu và chi sử dụng trái phiếu đến ngày 30/06/2026 như sau:

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Số tiền thu từ đợt phát hành trái phiếu	200.000.000.000	
Số tiền chi sử dụng từ nguồn thu phát hành trái phiếu	199.887.668.136	
Trong đó:		
Các khoản chi đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và đúng theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%))	84.150.000.000	Xem phụ lục 01 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo nghị quyết HĐQT và đúng mục đích theo bản công bố thông tin Đến thời điểm 30/06/2026, các bên chưa hoàn tất các thủ tục để Tập đoàn nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam.
Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%))	80.800.000.000	Xem phụ lục 02 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin
Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021	34.937.668.136	Xem phụ lục 03 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

(*) Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tính đến ngày 30/06/2026) sẽ được Tập đoàn chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 161.466.253.248 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	82.109.615	320.297.512
Cộng	82.109.615	320.297.512

20. Vốn chủ sở hữu**20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại **Phụ lục 04**.**20.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	721.000	721.000
- Cổ phiếu phổ thông	721.000	721.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.279.000	19.279.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.279.000	19.279.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21. Tài khoản ngoài bảng**22.1 Nợ khó đòi đã xóa**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CN Công ty CP Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại Tp.HCM	45.745.054.925	45.745.054.925
Bà Nguyễn Thị Loan	25.330.876.560	25.330.876.560
CN Công ty CP Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại Bình Dương	21.134.113.309	21.134.113.309
Bà Trần Thị Hương Anh	16.243.997.518	16.243.997.518
CN Công ty CP Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại Vĩnh Long An	13.947.528.687	13.947.528.687

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
Cộng	127.406.450.303	127.406.450.303

22.2 Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	212,243	212,243

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.119.301.465	4.983.136.044
Doanh thu bán thành phẩm	2.420.327.194	2.600.555.263
Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	3.964.385.047	3.003.638.742
Cộng	8.504.013.706	10.587.330.049

Trong kỳ, Tập đoàn không có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán hàng hóa	941.704.837	5.263.066.992
Giá vốn bán thành phẩm	2.415.522.232	2.558.495.567
Giá vốn cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác	2.989.204.728	3.730.686.930
Cộng	6.346.431.797	11.552.249.489

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	17.925.098	26.186.052
Cộng	17.925.098	26.186.052

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền vay, trái phiếu	21.030.200.523	21.135.230.406
Cộng	21.030.200.523	21.135.230.406

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	237.741.813	331.982.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.105.778	1.172.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.400.011	356.139.085
Các chi phí khác	2.424.434	428.904.887
Cộng	545.672.036	1.118.199.366

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.240.298.389	1.970.856.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.576.632	443.372.625
Dự phòng/hoàn nhập nợ phải thu khó đòi và xóa nợ	(30.000.000)	(441.135.261)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	785.901.024	1.170.580.016
Chi phí bằng tiền khác	117.259.877	291.335.567
Cộng	3.448.035.922	3.435.009.059

7. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.503.541.585)	(29.211.735.507)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(23.503.541.585)	(29.211.735.507)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cp)	19.279.000	19.279.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(1.219)	(1.515)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	(1.219)	(1.515)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	499.345.949	679.458.672
Chi phí nhân công	3.368.251.739	3.108.161.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.200.457.708	2.939.390.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.169.676.423	4.015.237.234
Các chi phí khác	128.050.979	116.965.802
Cộng	9.365.782.798	10.859.214.174

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ ((ĐVT: VNĐ)**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**

Số tiền 155.825.284 đồng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (Chi nhánh Tân Bình) đang bị phong tỏa theo Quyết định số 5718/QĐ-THADS ngày 29/06/2026 của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thị hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh nên không được tính vào Tiền và tương đương tiền tự do sử dụng tại thời điểm cuối kỳ. Khoản tiền này đã được phân loại sang Tài sản ngắn hạn khác (mã số 165) trên Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ và điều chỉnh tại chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải thu (mã số 09) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp (hợp nhất) giữa niên độ.

VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)**3.2. Giao dịch với bên liên quan khác**

Tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Lương, thưởng, thù lao			
Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)	-	-
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	21.600.000	20.000.000
	Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)		
	TV Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)		
Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT	10.800.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	10.800.000	-
Ông Tạ Ngọc Bích	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	10.800.000	10.000.000
Ông Nguyễn Trung Trực	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	-	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	6.000.000
Bà Phạm Thị Lan	TV HĐQT	10.800.000	12.000.000
	TV Ủy ban kiểm toán (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	5.400.000	-
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 29/06/2026)	-	-
	TV Ủy ban kiểm toán (bỏ nhiệm ngày 29/06/2026)	-	-
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê	TV BKS (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	3.000.000
Ông Phạm Công Tình	TV BKS (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	3.000.000
Ông Phạm Hoàng Phong	Tổng Giám đốc	213.660.520	165.830.847
Ông Võ Văn Việt	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 27/05/2026)	91.004.615	168.707.847
Cộng		374.865.135	406.538.694

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty CP Đầu tư Phát triển DNC	Chung thành viên chủ chốt
2. Công ty CP Thiên Hoàng Holdings	Chung thành viên chủ chốt
3. Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Chung thành viên chủ chốt
4. Công ty Cổ Phần Kinh doanh Dịch vụ Thiên Đức	Chung thành viên chủ chốt
5. Công ty TNHH TM DV Công nghệ Nam Khang	Chung thành viên chủ chốt
6. Công ty Cổ phần Nam Khang Holdings	Chung thành viên chủ chốt

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Số dư công nợ với các bên liên quan

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Tập đoàn không có số dư công nợ với các bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Bán hàng: chủ yếu là vỏ xe, cáp viễn thông, cáp điện,...
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

• **Kỳ này**

	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Cộng
Bán hàng hóa	2.119.301.465	941.704.837	1.177.596.628
Bán thành phẩm	2.420.327.194	2.415.522.232	4.804.962
Cho thuê mặt bằng và khác	3.964.385.047	2.989.204.728	975.180.319
Lợi nhuận gộp	8.504.013.706	6.346.431.797	2.157.581.909

• **Kỳ trước**

	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Cộng
Bán hàng hóa	4.958.269.861	5.263.066.992	(304.797.131)
Bán thành phẩm	2.600.555.263	2.558.495.567	42.059.696
Cho thuê mặt bằng và khác	3.003.638.742	3.730.686.930	(727.048.188)
Lợi nhuận gộp	10.562.463.866	11.552.249.489	(989.785.623)

Khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản của Tập đoàn thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn dùng các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.18). Tổng giá trị còn lại các tài sản tại ngày 30/06/2026 dùng để thế chấp là 797.602.575 đồng (xem tại Thuyết minh V.10).

Tài sản của bên khác đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico và Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang dùng tài sản bảo lãnh cho khoản phát hành trái phiếu của Tập đoàn (xem tại Thuyết minh V.18).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 30/06/2026, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối là (539.744.741.587) đồng; khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Tập đoàn với số tiền là (357.573.670.932) đồng; các khoản nợ phải trả người bán, nợ vay, trái phiếu và lãi tiền vay, trái phiếu của Tập đoàn đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 543.633.587.097 đồng và vốn chủ sở hữu âm (317.890.639.355 đồng). Ngày 18/05/2026 Tập đoàn nhận được Quyết định số 35590/QĐ-HCM-KDT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn kể từ ngày 18/05/2026 đến ngày 18/05/2027. Ngoài ra, ngày 29/06/2026 Tập đoàn nhận được Quyết định số 5718/QĐ-THADS của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh về việc phong tỏa tài khoản, tài sản với số tiền 155.825.284 đồng trong tài khoản số 0037100010898988 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, hiện tại Tập đoàn đang tiếp tục duy trì và giữ vững ổn định sản xuất trên cơ sở năng lực hiện có, tiếp nhận đơn hàng gia công nhằm gia tăng doanh thu, năng suất và có lợi nhuận, đảm bảo hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

sản xuất kinh doanh liên tục, tạo giải pháp quan trọng để cân đối dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 30/06/2026, Tập đoàn và Công ty CP Thiên Hoàng Holdings (gọi tắt là “Thiên Hoàng Holdings”) đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu, quyền đòi nợ số 74/2026/HĐCN/VKC-TH, theo đó Tập đoàn sẽ chuyển nhượng nợ gốc (tính đến ngày 31/12/2025) của các khoản phải thu và quyền đòi nợ của Tập đoàn cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển nhượng bằng với giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải thu được chuyển nhượng tại ngày 31/12/2025 là 201.048.675.966 đồng. Tại thời điểm 30/06/2026, Tập đoàn và Thiên Hoàng Holdings chưa chính thức hoàn tất thủ tục bàn giao các khoản nợ phải thu và quyền đòi nợ.

Chi tiết các khoản nợ phải thu và quyền đòi nợ được chuyển nhượng như sau:

	Giá gốc tại 31/12/2025	Thuyết minh
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	2.590.000.000	V.2
- Gốc cho vay	2.590.000.000	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20.336.303.438	V.3
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.812.179.025	V.4
Phải thu ngắn hạn khác	165.385.513.503	V.5a
Phải thu dài hạn khác	5.924.680.000	V.5b
Cộng	201.048.675.966	

- Ngày 08/07/2026, Tập đoàn và Thiên Hoàng Holdings đã ký kết hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ số 78/2026/HĐCGNV/VKC-TH, theo đó Tập đoàn sẽ chuyển giao các khoản nợ phải trả đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân của Tập đoàn cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển giao bằng với giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả được chuyển nhượng tại ngày 30/06/2026 là 237.202.287.962 đồng.

Chi tiết các khoản nợ phải trả được chuyển giao như sau:

	Giá gốc tại 30/06/2026	Thuyết minh
Phải trả người bán ngắn hạn	1.134.101.610	V.13
Chi phí phải trả ngắn hạn	74.601.933.104	V.16
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	161.466.253.248	V.18
Cộng	237.202.287.962	

Ngoài các sự kiện nêu trên, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ và hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Người lập**VÕ VĂN VIỆT****Phụ trách kế toán****VÕ VĂN VIỆT****Người đại diện theo pháp luật****Tổng Giám đốc****PHẠM HOÀNG PHONG**

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phụ lục 01

PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT VÀ ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/007/12/21	06/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	15,000,000,000
2	GBNSBV/006/12/21	06/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	10,000,000,000
3	GBNSBV/006/12/21	06/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	34,000,000,000
4	GBNSBV/005/12/21	08/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	4,700,000,000
5	GBNHĐV/001/12/21	14/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	2,800,000,000
6	GBNHĐV/002/12/21	17/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	17,650,000,000
Cộng				84,150,000,000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật
CỔ PHẦN Tổng Giám đốc
VKC HOLDINGS

PHẠM HOÀNG PHONG

Phụ trách kế toán

Người lập

VỖ VĂN VIỆT

VỖ VĂN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phụ lục 02

PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT VÀ KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BÀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/004/12/21	08/12/2021	Ứng trước tiền góp vốn Công ty con Toccoo Việt Nam	8,000,000,000
2	GBNHVD/003/12/21	22/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	14,600,000,000
3	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
4	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
5	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
6	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
7	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
8	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
9	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
10	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	700,000,000
11	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
12	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
13	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
14	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
15	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
16	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
17	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
18	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
19	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
20	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
21	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
22	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
23	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	100,000,000
24	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	260,000,000
25	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
26	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
27	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
28	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
29	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ



STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
30	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
31	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
32	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
33	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
34	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
35	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
36	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
37	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
38	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
39	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
40	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
41	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
42	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
43	GBNVVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
44	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
45	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
46	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
47	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
48	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
49	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
50	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
51	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
52	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
53	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
54	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
55	GBNVTV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495,000,000
56	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	100,000,000
57	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	300,000,000
58	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	300,000,000
59	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	300,000,000
60	GBNVTV/003/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300,000,000
61	GBNSBV/004/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	2,500,000,000
62	GBNMBV/004/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo - mã giao dịch/ trace 392660 202201060456070263wibt-sml	200,000,000
63	GBNMBV/004/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo - mã giao dịch/ trace 392660 202201060456070263wibt-sml	300,000,000
64	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	200,000,000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ



IN
TƯ
ẤN
DƯ

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
65	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
66	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
67	GBNSBV/001/01/22	05/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	7,900,000,000
68	GBNHVDV/002/01/22	05/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1,000,000,000
69	GBNHVDV/001/01/22	05/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	11,100,000,000
Cộng				80,800,000,000

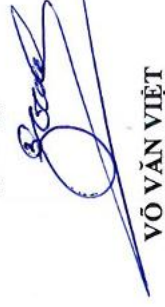
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty đại diện theo pháp luật
CỔ PHẦN TỔNG GIÁM ĐỐC

VKC HOLDINGS

TP. DI AN - T. PHAM HOANG PHONG

Người lập


VÕ VĂN VIỆT

Phụ trách kế toán


VÕ VĂN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
 Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phụ lục 03

PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT VÀ KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
3	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
4	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
5	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
6	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
7	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
8	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
9	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
10	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
15	CKN/006/01/22	07/01/2022	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500,000,000
16	CKN/007/01/22	07/01/2022	Chuyển qua MBB	2,600,000,000
23	CKN/015/01/22	13/01/2022	Chuyển qua VIB	300,000,000
24	CKN/015/01/22	13/01/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyển qua VPB	500,000,000
25	CKN/031/01/22	18/01/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyển qua VPB	500,000,000
26	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	200,000,000
27	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
28	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
29	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
30	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
31	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
32	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
34	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300,000,000
35	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300,000,000
36	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300,000,000
37	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300,000,000
38	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300,000,000
39	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300,000,000
40	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
41	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
42	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
43	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ 2026

3031
 CÔNG
 RÁCH N
 ẨM T
 CHU
 5 - T

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
44	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
45	CKN/034/01/22	27/01/2022	Chuyển qua VPB	200,000,000
46	CKN/035/01/22	28/01/2022	Chuyển qua MBB	1,500,000,000
47	CKN/002/02/22	07/02/2022	Chuyển qua VPB	200,000,000
48	CKN/001/02/22	07/02/2022	Chuyển qua MBB	5,000,000,000
49	CKN/020/02/22	08/02/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
50	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
51	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
52	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	200,000,000
53	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
55	CKN/007/02/22	10/02/2022	Chuyển qua MBB	200,000,000
56	CKN/006/02/22	10/02/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
57	CKN/006/02/22	10/02/2022	Chuyển qua MBB	5,600,000,000
69	CKN/008/02/22	15/02/2022	Chuyển qua VCB BD	100,000,000
84	CKN/038/03/22	04/03/2022	Chuyển qua MBB	300,000,000
59	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
60	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
61	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
62	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
63	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
64	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
65	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
66	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
67	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
68	GBNHDV/004/02/22	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
71	GBNHDV/006/02/22	15/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	150,000,000
72	GBNHDV/006/02/22	15/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
73	GBNHDV/006/02/22	15/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300,000,000
17	GBNHDV/004/01/22	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	237,668,133
18	GBNHDV/004/01/22	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500,000,000
19	GBNHDV/004/01/22	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500,000,000
20	GBNHDV/004/01/22	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500,000,000
21	GBNHDV/004/01/22	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500,000,000
22	GBNHDV/004/01/22	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500,000,000
33	GBNSBV/006/01/22	20/01/2022	Thanh toán theo hợp đồng 171221 VKC SMT	1,900,000,000
54	GBNMBV/015/02/22	09/02/2022	Chuyển tiền lại do khách nộp dư tiền trái phiếu	(50,000,000)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ



STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
85	GBNMBV/080/03/	23/03/2022	Hoàn trả lại tiền nộp dư trái phiếu VKC theo đề nghị ngày 24.02 của Trần Thị Thanh Bình	(399,999,997)
86	GBNMBV/080/03/	23/03/2022	Hoàn trả lại tiền nộp dư trái phiếu VKC theo đề nghị ngày 24.02 của Trần Thị Thanh Bình	(300,000,000)
87	GBNMBV/080/03/	23/03/2022	Hoàn trả lại tiền nộp dư trái phiếu VKC theo đề nghị ngày 24.02 của Trần Thị Thanh Bình	(1,000,000,000)
Cộng				34,937,668,136

Người lập


VÕ VĂN VIỆT

Phụ trách kế toán


VÕ VĂN VIỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS
 Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)
 Cho kỳ kết toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

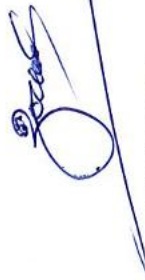
PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	1	2	3	4	5	6	7
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính minh	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A							
Cho kỳ kết toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	200,000,000,000	11,384,120,000	(3,811,929,315)	13,557,992,161	(462,988,564,093)	279,399,122	(241,578,982,125)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	600,000,000	600,000,000
- Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ của LICD KKS	-	-	-	-	-	600,000,000	600,000,000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(29,211,735,507)	(73,599,775)	(29,285,335,282)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(29,211,735,507)	(73,599,775)	(29,285,335,282)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	200,000,000,000	11,384,120,000	(3,811,929,315)	13,557,992,161	(492,200,299,600)	805,799,347	(270,264,317,407)
Cho kỳ kết toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026							
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	200,000,000,000	11,384,120,000	(3,811,929,315)	13,557,992,161	(516,241,200,002)	752,822,510	(294,358,194,646)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ của LICD KKS	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(23,503,541,585)	(28,903,124)	(23,532,444,709)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(23,503,541,585)	(28,903,124)	(23,532,444,709)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	200,000,000,000	11,384,120,000	(3,811,929,315)	13,557,992,161	(539,744,741,587)	723,919,386	(317,890,639,355)

Người lập


 VÕ VĂN VIỆT

Phụ trách kế toán


 VÕ VĂN VIỆT

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật
 Tổng Giám đốc



PHẠM HOÀNG PHONG